TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2018/QĐST- DS	*Đ, ngày 09 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV T**
Địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh G.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Văn N** – Giám đốc Công ty
Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1977
Địa chỉ: Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh G.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ H**
Địa chỉ: Đội 2, thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị Lệ H công nhận bà có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV T 6.9974,9 kg cà phê nhân xô tiêu chuẩn (giá cà phê nhân xô tiêu chuẩn thời điểm ứng tiền là 46.800đ/kg), thành tiền là: 6.9974,9 kg x 46.800đ/kg = 316.425.000đ (Ba trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày hòa giải 01/10/2018 theo lãi suất 1%/tháng là 25.314.000đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

2.2. Về phương thức và thời hạn trả nợ: Bà Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV T số tiền gốc 316.425.000đ (Ba trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày hòa giải hôm nay là 01/10/2018 theo lãi suất 1%/tháng là 25.314.000đ (Hai mươi lăm

triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). Trả dần hàng tháng trong vòng 06 tháng cụ thể như sau:

- Ngày 01/11/2018, trả tiền gốc 63.285.000 đồng;

- Ngày 01/12/2018, trả tiền gốc 63.285.000 đồng;

- Ngày 01/01/2019, trả tiền gốc 63.285.000 đồng;

- Ngày 01/02/2019, trả tiền gốc 63.285.000 đồng;

- Ngày 01/3/2019, trả tiền gốc 63.285.000 đồng;

- Ngày 01/4/2019, trả tiền lãi 25.314.000 đồng.

Trong trường hợp, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nói trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí: Các bên đương sự hòa giải thành nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 341.739.000đ x 5% : 2 = 8.543.475đ (Tám triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Các bên đương sự thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Lệ H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 8.543.475đ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV T số tiền tạm ứng án phí 9.142.275 đồng đã nộp theo Biên lai số 0002582 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân H